

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

CỘNG O XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2019/DS-PT

Ngày: 11- 03 - 2019

V/v: *Tranh chấp quyền sử dụng đất.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG O XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hải

Các Thẩm phán: Ông Phạm Tuấn Minh

Bà Tòng Thị Hiền

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/TLDS-PT ngày 19 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2018/DS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện MC bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐ-PT ngày 07 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Mùi Văn A, bà Phạm Thị B; địa chỉ: Tiểu khu E, TTNT MC, huyện MC, tỉnh Sơn La; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M (vắng mặt), bà Trần Thị H, bà Đinh Thị O (có mặt) là Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH Quốc Tế DTH. Địa chỉ: Xóm ĐK, xã Lp, huyện HĐ, thành phố Hà Nội;

Bị đơn: Ông Đinh Bá N; địa chỉ: Tiểu khu E, TTNT MC, huyện MC, tỉnh Sơn La; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Vì Thị Ngà; địa chỉ: Tiểu khu E, TTNT MC, huyện MC, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

- Chị Đinh Thị V; địa chỉ: Tiểu khu E, TTNT MC, huyện MC, tỉnh Sơn La; có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Đinh Bá N và Người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Nguyên đơn ông Mùi Văn A và bà Phạm Thị B trình bày:

Ngày 24/10/2000, gia đình ông A được Ủy ban nhân dân huyện MC cấp GCNQSDĐ số R277814 với 09 thửa đất (bao gồm cả đất ở và đất sản xuất nông nghiệp); trong đó có thửa đất số 122, tờ bản đồ số 37 với diện tích 534m² nằm ở vị trí bên dưới sân bóng của Tiểu khu E, TTNT MC.

Do bận công tác và các con đi học, nên gia đình ông A chưa có nhu cầu sử dụng đến thửa đất này nên tạm thời cho chị Đinh Thị V là người cùng tiểu khu mượn đất để sản xuất, canh tác trên đất.

Khi ông bà A B có nhu cầu sử dụng đến thửa đất số 122 thì được biết, chị V đã chuyển nhượng toàn bộ thửa đất này cho em trai là Đinh Bá N, cùng tiểu khu E. Quá trình chị V và anh N chuyển nhượng đất cho nhau, gia đình ông A không được biết. Việc ông A ký vào các giấy tờ xác nhận nguồn gốc đất cho chị V và anh N là do bị lừa dối, nhầm lẫn, không có giá trị.

Hiện nay anh N đang là người trực tiếp sử dụng diện tích đất nêu trên, do vậy, ông bà A B đã làm đơn yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc anh N phải trả lại thửa đất số 122 nằm trong GCNQSDĐ của ông bà A B.

Theo Bản tự khai, trình bày tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Bị đơn anh N trình bày:

Căn cứ vào xác nhận của nguyên lãnh đạo tiểu khu E ngày 14/4/2017, đơn xin xác nhận nguồn gốc đất của ông Mùi Văn A ngày 18/4/2017 gửi Ủy ban nhân dân thị trấn Nông Trường MC, anh N có cơ sở xác định diện tích đất 534m², thuộc thửa số 122, tờ bản đồ số 37 tại tiểu khu E, thị trấn Nông Trường MC, huyện MC, tỉnh Sơn La hiện nằm trong GCNQSDĐ mang tên ông Mùi Văn A là thửa đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của chị Đinh Thị V. Việc thửa đất nằm trong GCNQSDĐ của ông A chỉ là tạm thời.

Trên cơ sở xác định, thửa đất số 122 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của chị V nên vào năm 2017, anh N đã nhất trí nhận chuyển nhượng đất của chị V với số tiền 68.000.000 đồng. Hiện nay, anh N đang là người quản lý, sử dụng thửa đất số 122 nêu trên và không nhất trí trả lại đất cho ông A, bà B.

Theo Bản tự khai, trình bày tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Người có quyền, nghĩa vụ liên quan chị Vi Thị Ngà trình bày:

Thỏa thuận chuyển nhượng đất giữa vợ chồng anh N, chị Ngà với chị Đinh Thị V là công khai, minh bạch, có xác nhận của Tiểu khu và của ông Mùi Văn A, khi chuyển nhượng không hề có tranh chấp với ai.

Nguồn gốc của thửa đất số 122 đã được Ban lãnh đạo Tiểu khu E các thời kỳ trước xác nhận là chỉ cấp tạm thời cho ông Mùi Văn A, còn thực chất là giao cho chị V quản lý và sử dụng. Do vậy, chị Ngà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông A, bà B.

Theo Bản tự khai, trình bày tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Người có quyền, nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị V trình bày:

Năm 2000 chị V được tiểu khu E chia cho một diện tích đất vào khoảng hơn 500m², tại khu vực đất 12 của tiểu khu E, vị trí thửa đất hiện nay phía Nam giáp với đường xóm 3, phía Bắc giáp một phần đất của ông Quách Công Muôn (con trai ông Muôn đang ở), một phần đất của ông Sa Đình Hợp (Gia đình Nga Triệu đang ở), phía Đông giáp đất của em trai chị là Đình Tiến Việt và phía Tây giáp với đất của ông Quách Công Mơ.

Năm 2010 chị đã xây dựng tường bao xung quanh và sử dụng ổn định từ đó đến nay không có tranh chấp với ai. Tháng 4/2017 chị V đã chuyển nhượng đất cho em trai là Đình Bá N. Trước khi chuyển nhượng thửa đất số 122, chị đã hoàn thiện các thủ tục xin xác nhận về nguồn gốc đất của lãnh đạo tiểu khu thời kỳ đó và của người đứng tên tạm thời trên GCNQSDĐ là ông Mùi Văn A. Căn cứ vào các giấy tờ xác định về nguồn gốc đất, chị V khẳng định thửa đất số 122 là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của chị và không nhất trí việc trả lại thửa đất cho ông A, bà B.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2018/DS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện MC đã quyết định: Căn cứ vào Điều 203 Luật đất đai; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông Mùi Văn A bà Phạm Thị B.

2. Buộc anh Đình Bá N phải trả lại diện tích đất 594,6m² tại tiểu khu E, thị trấn Nông Trường MC, huyện MC, tỉnh Sơn La cho ông Mùi Văn A và bà Phạm Thị B. Đất có các vị trí cụ thể như sau: Phía Đông Nam giáp đất nhà Cường, Anh có chiều dài 30,88m; phía Tây Bắc giáp đất nhà ông Quách Công Mơ có chiều dài 28,64m; phía Tây Nam giáp đường xóm có chiều dài 20,17m; phía Đông Bắc giáp đất nhà Nga, Triệu có chiều dài 19,8m.

3. Giao cho ông Mùi Văn A bà Phạm Thị B quản lý, sử dụng diện tích 594,6m² đất tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 122 đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R277814 ngày 24/10/2000 do Ủy ban nhân dân huyện cấp mang tên ông Mùi Văn A. Đất có các vị trí tiếp giáp như sau: Phía Đông Nam giáp đất nhà Cường, Anh có chiều dài 30,88m; phía Tây Bắc giáp đất nhà ông Quách Công Mơ có chiều dài 28,64m; phía Tây Nam giáp đường xóm có chiều dài 20,17m; phía Đông Bắc giáp đất nhà Nga, Triệu có chiều dài 19,8m.

Giao cho ông Mùi Văn A và bà Phạm Thị B được quản lý, sử dụng 01 tường rào xây gạch block, móng đá chiều dài 17,9m, chiều cao 1,44m; 01 giàn trồng đậu có tổng diện tích 594,6m² được làm bằng dây thép từ 02 li đến 03 li gồm 33 cọc tre dài 02m làm từ tháng 3 năm 2018.

Ông Mùi Văn A và bà Phạm Thị B phải thanh toán cho anh Đình Bá N trị giá giàn trồng đậu là 3.162.500 đồng (*Ba triệu một trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng*); và thanh toán cho chị Đinh Thị V trị giá 01 tường rào xây gạch

block, móng đá trị giá 2.066.800 đồng (*Hai triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm đồng*).

4. Chấp nhận việc anh Đinh Bá N, chị Vì Thị Ngà và chị Đinh Thị V đề nghị tách Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh Đinh Bá N, chị Vì Thị Ngà với chị Đinh Thị V để giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Do không nhất trí với Bản án sơ thẩm, ngày 27/11/2018 chị Đinh Thị V có đơn kháng cáo đề nghị xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm về tư cách tham gia tố tụng, nguồn gốc đất của ông Mùi Văn A, lời khai của những người làm chứng để xác định lại quyền sử dụng diện tích đất đang có tranh chấp theo đúng quy định pháp luật.

Ngày 28/11/2018, anh Đinh Bá N có đơn kháng cáo đề nghị hủy hoặc sửa bản án sơ thẩm do xác định không đúng về nguồn gốc sử dụng đất, xác định sai tư cách tham gia tố tụng của đương sự và nhận định việc ông A ký vào giấy xác nhận do nhầm lẫn là không có căn cứ.

* *Tại phiên tòa phúc thẩm:* Nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy hoặc sửa bản án sơ thẩm do sai sót về tố tụng và nội dung. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Tòa án xem xét lại nguồn gốc đất và xác định quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:* Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa, đề nghị không chấp nhận nội dung kháng cáo của anh Đinh Bá N, chị Đinh Thị V, áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa bản án sơ thẩm về phần xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất*”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* *Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét nội dung kháng cáo và ý kiến trình bày của các đương sự tại phiên tòa. Tòa án nhận định như sau:*

[1] Về xác định quan hệ pháp luật:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến trình bày của các bên đương sự; chị V cho rằng, quyền sử dụng diện tích đất đang có tranh chấp là của chị, ông A bà B chỉ đứng hộ tên trên GCNQSDĐ. Về phía ông A, bà B khẳng định, quyền sử dụng thửa đất đang có tranh chấp là của ông bà, vì đã được UBND huyện MC cấp GCNQSDĐ từ năm 2000 theo quy định pháp luật. Hiện nay, vợ chồng anh N đang là người trực tiếp quản lý và sử dụng diện tích đất đang có tranh chấp thông qua giao dịch

chuyển nhượng đất với chị V. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” là phù hợp.

[2] **Về tư cách tham gia của chị Ngà:** Theo đơn khởi kiện của Nguyễn đơn ông bà A B chỉ khởi kiện anh N, theo quy định tại khoản 3 Điều 68 của BLTTDS thì Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách tố tụng của anh N là Bị đơn là A xác. Tuy nhiên, khi nhận chuyển nhượng đất với chị V, chị Ngà có tham gia và hiện nay chị Ngà cũng đang là người sử dụng diện tích đất đang có tranh chấp cùng với anh N. Tòa án vẫn đưa chị Ngà vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là đảm bảo theo quy định của pháp luật.

[3] **Về nguồn gốc và xác định quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất đang có tranh chấp:**

Năm 2000 gia đình ông A được UBND huyện MC cấp GCNQSDĐ số R277814 mang tên Mùi Văn A với 09 thửa đất, trong đó có thửa số 122 với diện tích 534m² thuộc tờ bản đồ số 37 tại Tiểu khu E, TTNT MC, huyện MC. Chị V cho rằng, diện tích đất nêu trên là của mình nhưng không đưa ra được căn cứ, giấy tờ pháp lý chứng minh. Trong khi ông A, bà B đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng hợp pháp từ năm 2000 đối với thửa đất đang có tranh chấp nên theo quy định của pháp luật đất đai, ông A bà B được bảo đảm các quyền của người sử dụng đất.

Bà Đình Thị V cho rằng, thửa đất số 122 là do Ban lãnh đạo Tiểu khu E cấp cho bà, nhưng để cho ông A đứng tên giúp trên GCNQSDĐ. Căn cứ vào các Điều 18, 23, 24 của Luật Đất đai 1993 thì thẩm quyền xét quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và giao đất là của UBND cấp tỉnh và cấp huyện, Ban lãnh đạo của tiểu khu không có thẩm quyền giao đất cho các hộ gia đình.

Theo quy định tại Điều 21 của Luật Đất đai 1993, thì chị V chỉ được quyền sử dụng hợp pháp thửa đất số 122 khi có quyết định thu H và giao đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nhưng không có bất kỳ quyết định thu H nào của cơ quan Nhà nước đối với diện tích đất của ông bà A B giao cho bà V. Do đó, không có cơ sở khẳng định diện tích đất đang có tranh chấp là của bà V.

Trong các giấy đề nghị xác nhận nguồn gốc đất do bà V cung cấp có xác nhận của ông A, nhưng chỉ có chữ ký của một mình ông A nên không có giá trị về mặt pháp lý, bởi tại thời điểm viết giấy, thửa đất vẫn nằm trong GCNQSDĐ mang tên ông Mùi Văn A, là tài sản chung hợp pháp của vợ chồng ông bà A B, đồng thời cũng không có cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận tính hợp pháp của giấy tờ nêu trên. Mặt khác, nội dung xác nhận của ông A cũng không nêu cụ thể diện tích, số thửa đất nên không có cơ sở xác định diện tích đất này là của bà V.

Trên cơ sở xác định quyền sử dụng thửa đất đang có tranh chấp là của ông Mùi Văn A, bà Phạm Thị B, nên việc chị V chuyển nhượng diện tích đất đó cho anh N, chị Ngà là không có căn cứ. Do thỏa thuận mua bán đất không có giá trị pháp lý nên anh N, chị Ngà cũng không có quyền sử dụng hợp pháp đối với thửa đất đang có tranh chấp.

Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định quyền sử dụng diện tích 534m² đất thửa số 122 tờ bản đồ số 37 là của ông Mùi Văn A, bà Phạm Thị B là có cơ sở, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đinh Bá N, chị Đinh Thị V về nội dung này.

[4] Về yêu cầu tách vụ án:

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh N, chị V có ý kiến tách hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị V và N thành một vụ án khác. Tuy nhiên, xét thấy đối tượng của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh N và chị V là thửa đất số 122 đã được hoàn trả lại gia đình ông Mùi Văn A. Do đó, chỉ chấp nhận tách quan hệ kiện đòi tài sản là số tiền chuyển nhượng đất (68.000.000 đồng) giữa anh N và chị V để giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu, mà không thể chấp nhận tách Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 02/5/2017 giữa anh N và chị V để giải quyết bằng vụ án khác như Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định.

[5] Đối với yêu cầu bổ sung người tham gia tố tụng là Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn nông trường MC: Tại phiên tòa, Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông A xác nhận đã tất toán xong hết các khoản vay với Quỹ tín dụng nhưng chưa xóa thế chấp theo quy định, có căn cứ chứng minh đối với nội dung này. Do đó, xét thấy việc anh N yêu cầu đưa Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn nông trường MC vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không cần thiết.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên; xét thấy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của anh Đinh Bá N và chị Đinh Thị V; trong phần quyết định của bản án sơ thẩm có sự sai sót trong nhận định tách quan hệ pháp luật là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ra thành vụ án khác, nhưng không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nên cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2018/DS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện MC.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Anh Đinh Bá N, chị Đinh Thị V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về định mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*** Tuyên xử:** Không chấp nhận kháng cáo của anh Đinh Bá N, chị Đinh Thị V; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2018/DS-ST ngày 13/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện MC như sau:

1. Chấp nhận quyền sử dụng đất hợp pháp của ông Mùi Văn A, bà Phạm Thị B đối với thửa đất số 122 thuộc tờ bản đồ số 37 hiện nằm trong GCNQSDĐ số R277814 do UBND huyện MC cấp ngày 24/10/2000.

2. Buộc anh Đinh Bá N phải hoàn trả lại 594,6m² đất tại tiểu khu E, thị trấn Nông Trường MC, huyện MC, tỉnh Sơn La cho ông Mùi Văn A và bà Phạm Thị B. Đất có các vị trí cụ thể như sau: Phía Đông Nam giáp đất nhà Cường, Anh có chiều dài 30,88m; phía Tây Bắc giáp đất nhà ông Quách Công Mơ có chiều dài 28,64m; phía Tây Nam giáp đường xóm có chiều dài 20,17m; phía Đông Bắc giáp đất nhà Nga, Triệu có chiều dài 19,8m. (Có sơ đồ thửa đất kèm theo).

3. Giao cho ông Mùi Văn A bà Phạm Thị B quản lý, sử dụng diện tích 594,6m² đất thuộc thửa số 122, tại tiểu khu E, TTNT MC, huyện MC, tỉnh Sơn La nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R277814 do Ủy ban nhân dân huyện MC cấp ngày 24/10/2000 (có sơ đồ thửa đất kèm theo) và các tài sản trên đất bao gồm: 01 tường rào xây gạch block, móng đá chiều dài 17,9m, chiều cao 1,44m; 01 giàn trồng đậu có tổng diện tích 594,6m² được làm bằng dây thép từ 02 li đến 03 li gồm 33 cọc tre dài 02m làm từ tháng 3 năm 2018.

4. Ông Mùi Văn A và bà Phạm Thị B có trách nhiệm thanh toán cho anh Đinh Bá N số tiền 3.162.500 đồng (*Ba triệu một trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng*) trị giá giàn trồng đậu; và thanh toán cho chị Đinh Thị V số tiền 2.066.800 đồng (*Hai triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm đồng*) trị giá 01 tường rào xây gạch block và móng đá.

5. Chấp nhận đề nghị của anh Đinh Bá N, chị Vì Thị Ngà và chị Đinh Thị V tách quan hệ kiện đòi tài sản là số tiền chuyển nhượng đất, để giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

*** Về án phí:**

- Anh Đinh Bá N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào Biên lai thu số AA/2016/0000695 nộp ngày 03/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MC.

- Chị Đinh Thị V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ theo Biên lai thu số AA/2016/0000685 nộp ngày 27/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện MC.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 26 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7^a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án.”

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 11/03/2019).

Nơi nhận:

- TAND huyện MC;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện MC;
- Đương sự;
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Minh Hải